

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC TRỌNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2019/DS-ST

Ngày : 17/7/2019

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC TRỌNG, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Vương

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Đình Phi

- Ông Lưu Văn Lợi

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Anh Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa có ông Phạm Văn Bằng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 265/2018/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2018 về việc kiện “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2019/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1981

Nơi cư trú: thôn D, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

*** Bị đơn:** Vợ chồng ông Lê Hồng N, sinh năm 1976

Bà Đỗ Thị H1, sinh năm 1981

Nơi cư trú: thôn S, xã T, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Ông N vắng mặt; bà H1, bà H có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim H thì:** Trước đây do có quen biết từ trước nên bà Đỗ Thị H1 đã nhiều lần vay tiền của bà để gia đình làm ăn, cụ thể các lần vay tiền như sau: ngày 28/4/2018 vay 45.000.000đồng, ngày 24/5/2018 vay 20.000.000đồng, ngày 01/6/2018 vay 45.000.000đồng, ngày 20/6/2018 vay 100.000.000đồng và ngày 21/5/2018 vợ chồng ông Lê Hồng N, bà Đỗ Thị H1 vay 100.000.000đồng.

Các lần vay tiền nói trên bà H1 đều ký xác nhận và lần vay ngày 21/5/2018 cả vợ chồng ông N, bà H1 cùng ký giấy vay. Các lần vay tiền chỉ riêng lần vay ngày 21/5/2018 là có ghi thời hạn trả nợ là ngày 01/01/2019, còn lại các lần vay tiền khác đều không ghi lãi suất và thời hạn trả mà chỉ thỏa thuận miệng với nhau lãi suất tính theo lãi ngân hàng, khi nào cần tiền đòi thì vợ chồng ông N, bà H1 phải trả. Bà H đã nhiều lần yêu cầu vợ

chồng ông N, bà H1 trả nợ nhưng vợ chồng ông N, bà H1 hứa hẹn đến nay mới trả được 50.000.000đồng nợ gốc vào khoảng tháng 6 năm 2019.

Nay bà yêu cầu vợ chồng ông Lê Hồng N, bà Đỗ Thị H1 phải trả cho bà số tiền 260.000.000đồng nợ gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật. Ngoài ra bà không trình bày gì thêm.

*** Còn theo lời trình bày của bị đơn:**

- **Bà Đỗ Thị H1 trình bày:** Đúng là trước đây do quen biết nên bà đã nhiều lần vay tiền của bà Nguyễn Thị Kim H để làm ăn, phục vụ cho công việc gia đình, cụ thể: ngày 28/4/2018 vay 45.000.000đồng, ngày 24/5/2018 vay 20.000.000đồng, ngày 01/6/2018 vay 45.000.000đồng, ngày 20/6/2018 vay 100.000.000đồng và ngày 21/5/2018 vay 100.000.000đồng.

Trong tất cả các giấy vay trên không ghi lãi suất trong giấy vay tiền nhưng có thỏa thuận miệng với nhau tính lãi theo mức lãi suất của ngân hàng và thời hạn trả khi nào bà H cần thì vợ chồng bà sẽ trả nợ. Tuy nhiên do làm ăn gặp khó khăn nên vợ chồng bà mới trả được 50.000.000đồng nợ gốc vào khoảng tháng 6 năm 2019. Nay bà H yêu cầu trả 260.000.000đồng nợ gốc và lãi suất theo quy định thì bà đồng ý.

- **Ông Lê Hồng N trình bày:** ông và vợ là bà Đỗ Thị H1 có ký giấy vay nợ bà Nguyễn Thị Kim H ngày 21/5/2018 số tiền 100.000.000đồng, hạn trả nợ là ngày 01/01/2019. Còn các lần vay khác bà Huyền ký giấy vay nợ thì ông không biết bà H1 vay về để làm gì. Ông sẽ làm rõ và có ý kiến trình bày cho Tòa án sau. Tuy nhiên sau đó ông Nghĩa không đến Tòa án để làm việc, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay ông N vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai, bà H1 và bà H có mặt và vẫn giữ nguyên ý kiến yêu cầu của mình về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa trình bày ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng pháp luật; việc chấp hành pháp luật tố tụng của các đương sự tham gia tố tụng và có ý kiến quan điểm đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xuất phát từ việc vợ chồng ông Lê Hồng N, bà Đỗ Thị H1 vay tiền của bà Nguyễn Thị Kim H để làm ăn nhưng đến hạn chưa trả mặc dù bà H đã nhiều lần yêu cầu trả nợ, nay bà H khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông N, bà H1 trả nợ gốc và lãi suất theo quy định. Do vậy căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đây là vụ án kiện “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” giữa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kim H và bị đơn là vợ chồng ông Lê Hồng N, bà Đỗ Thị H1. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông N vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông N là hoàn toàn có cơ sở, đúng pháp luật.

[3] Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định: giữa bà Nguyễn Thị Kim H và vợ chồng ông Lê Hồng N, bà Đỗ Thị H1 có quan hệ giao dịch dân sự lẫn nhau. Theo đó bà H đã nhiều lần cho vợ chồng ông N, bà H1 vay tiền để làm ăn, cụ thể: ngày 28/4/2018 cho vay 45.000.000đồng, ngày 24/5/2018 cho vay 20.000.000đồng, ngày 01/6/2018 cho vay 45.000.000đồng, ngày 20/6/2018 cho vay 100.000.000đồng và ngày 21/5/2018 cho vay 100.000.000đồng. Theo iấy tờ vay do bà H cung cấp và đã được thẩm tra thể hiện các lần vay tiền ngày 28/4/2018, 24/5/2018, 01/6/2018, 20/6/2018 đều có chữ ký của bà Đỗ Thị H1 và hai bên không ghi thời hạn trả nợ vay và lãi suất. Đối với giấy vay 100.000.000 đồng ngày 21/5/2018 có chữ ký của cả ông Lê Hồng N, bà Đỗ Thị H1 xác định thời hạn trả nợ là ngày 01/01/2019. Hội đồng xét xử xét thấy các khoản vay trên hình thành trong thời kỳ hôn nhân giữa bà H1 và ông N, tại phiên tòa hôm nay bà H1 thừa nhận các lần vay này về để làm ăn tổ chức các tiệc cưới hỏi, phục vụ cuộc sống gia đình nên được xác định là khoản vay chung của vợ chồng ông N, bà H1 và vợ chồng ông N, bà H1 có trách nhiệm trả nợ cho bà H.

[4] Mặc dù trong hợp đồng không ghi lãi suất nhưng các đương sự đều thừa nhận trên thực tế có thỏa thuận miệng lãi suất tính theo lãi ngân hàng và bà H đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông N, bà H1 trả nợ nhưng do làm ăn gặp khó khăn nên chưa trả hết tiền vay cho bà H được. Do vậy xác định hợp đồng vay tiền giữa các bên là hợp đồng không xác định thời hạn và có lãi. Quá trình vay nợ bà H thừa nhận vợ chồng ông N, bà H1 đã trả được 50.000.000đồng nợ gốc nên cần trừ số tiền này vào số nợ gốc phải trả của vợ chồng ông N, bà H1. Như vậy sau khi trừ số tiền 50.000.000đồng nợ gốc đã trả thì vợ chồng ông N, bà H1 còn phải trả cho bà H số nợ gốc là 260.000.000đồng.

[5] Về tiền lãi: Tại phiên tòa hôm nay của bà H yêu cầu vợ chồng ông N, bà H1 trả lãi từ tháng 31/7/2018 đến tháng 31/5/2019 theo lãi suất ngân hàng của số tiền 310.000.000đồng. Xét thấy giao dịch vay nợ giữa các bên có thỏa thuận lãi suất nhưng không ghi rõ cụ thể mức lãi, do vậy căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để tính lãi suất 10%/năm là phù hợp, đúng pháp luật. Tiền lãi được tính như sau: $310.000.000\text{đồng} \times 10\%/12\text{ tháng} \times 10\text{ tháng} = 25.833.000\text{đồng}$.

[6] Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim H. Buộc vợ chồng ông Lê Hồng N, bà Đỗ Thị H1 có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Kim H 260.000.000đồng tiền nợ gốc và 25.833.000đồng tiền lãi. Tổng cộng vợ chồng ông N, bà H1 có trách nhiệm trả cho bà H 285.833.000đồng là hoàn toàn có cơ sở, đúng pháp luật.

[7] Về án phí: do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468, 469 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ khoản 3 điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, Điều 235, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kim H. Buộc vợ chồng ông Lê Hồng N, bà Đỗ Thị H1 có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Kim H số tiền 260.000.000đồng (hai trăm sáu mươi triệu đồng) nợ gốc và 25.833.000 đồng nợ lãi. Tổng cộng vợ chồng ông Lê Hồng N, bà Đỗ Thị H1 phải trả cho bà Nguyễn Thị Kim H số tiền 285.833.000đồng.

2/ Về án phí: Buộc vợ chồng ông Lê Hồng N, bà Đỗ Thị H1 phải chịu 14.291.650đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Kim H 10.250.000đồng tiền tạm ứng án phí theo các phiếu thu số 0006248 ngày 12/10/2018 và phiếu thu số 0006661 ngày 03/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Trọng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án khi án có hiệu lực pháp luật, nếu người phải thi hành án không trả hết số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại các Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có mặt có quyền kháng cáo; riêng ông N vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Lâm Đồng
- VKSND huyện
- Chi cục THADS huyện
- Các đương sự.
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Đăng Vương